TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Bộ.

2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường S, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường S, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị H1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc H2 tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại UBND phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn (nay là UBND phường Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2025 đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; anh H2 chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần; chị và gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng anh H2 vẫn không thay đổi được.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị và anh H2 có 03 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Quỳnh H3, sinh ngày 17/5/2011, Nguyễn Vũ Quỳnh N, sinh ngày 03/02/2013, Nguyễn Vũ Ngọc D, sinh ngày 29/3/2014. Để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu; khi ly hôn chị yêu cầu Toà án giao cháu H3, cháu N và cháu D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 24/11/2025, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H2 bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H1 tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại UBND phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn (nay là UBND phường Bỉm Sơn), tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung.

Nay chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H1 có 03 con chung là cháu H3, cháu N và cháu D, như chị H1 trình bày là đúng. Trường hợp chị H1 cương quyết yêu cầu ly hôn, khi ly hôn, anh đề nghị Toà án giao con cho anh hoặc chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại tổ dân phố Y, phường S, tỉnh Thanh Hoá nơi chị Vũ Thị H1, anh Nguyễn Ngọc H2 cư trú:

Chị H1 và anh H2 cùng cư trú tại số nhà 59 Hồ Xuân H3, TDP Y, phường S, tỉnh Thanh Hoá có mối quan hệ là vợ chồng. Anh chị đã sinh sống ở đây khoảng 4 đến 5 năm nay. Từ khi chị H1 và anh H2 chuyển về tổ dân phố sinh sống đến nay, tổ dân phố không nắm rõ được mâu thuẫn của vợ chồng. Vợ chồng chị H1, anh H2 có 03 con chung là cháu H3, cháu N và cháu D. Hiện nay các cháu đều đang đi học. Anh H2 làm việc tại nhà máy xi măng B, chị H1 đang làm kinh doanh tại nhà.

Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn anh H2, tổ dân phố đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng của cháu H3 và cháu N: Khi anh H2 và chị H1 ly hôn, các cháu đều muốn ở với mẹ; cháu D không trình bày được nguyện vọng muốn ở với ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ

cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H1.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H1, được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H2.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Quỳnh H3 và cháu Nguyễn Vũ Quỳnh N cho chị Vũ Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Vũ Ngọc D cho anh Nguyễn Ngọc H2 trực tiếp nuôi dương; chị H1, anh H2 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về án phí: Buộc chị Vũ Thị H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, bị đơn cư trú tại phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt (bị đơn không có yêu cầu phản tố) nên Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Vũ Thị H1 và anh Nguyễn Ngọc H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2011 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị H1 thì nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; hiện tại vợ chồng đang sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai; anh H2 cũng thống nhất với chị H1 về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng đời sống vợ chồng.

[2.2] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị H1, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xác minh của

Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng chị H1, anh H2; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng đời sống hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H2 là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị H1 được ly hôn anh H2.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Vũ Thị H1 và anh Nguyễn Ngọc H2 có 03 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Quỳnh H3, Nguyễn Vũ Quỳnh N và Nguyễn Vũ Ngọc D. Xét yêu cầu của chị H1 về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H1, giao cháu H3 và cháu N cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm quyền lợi cho các cháu, cũng như bảo đảm quyền và nghĩa vụ của chị H1 và anh H2.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 và anh H2 đều có đủ điều kiện nuôi con, chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, anh H2 trực tiếp nuôi 01 con, đã có sự đối trừ quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa hai anh chị, nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị H1 và anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); anh H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H1.

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H2.

- Về con chung: Công nhận các cháu Nguyễn Vũ Quỳnh H3, sinh ngày 17/5/2011, Nguyễn Vũ Quỳnh N, sinh ngày 03/02/2013, Nguyễn Vũ Ngọc D, sinh ngày 29/3/2014 là các con chung của chị Vũ Thị H1 và anh Nguyễn Ngọc H2. Giao cháu H3 và cháu N cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu D cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng; chị H1, anh H2 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; chị H1, anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Vũ Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H1 đã nộp tại Phòng Thi hành

án dân sự khu vực 6, Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu số 0002898 ngày 11/11/2025. Công nhận chị H1 đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- THADS T.Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh